

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HN-ST

Ngày: 12-5-2021

*“V/v tranh chấp hôn nhân  
và gia đình về ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhắc

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 492/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ - vận tải – vật liệu xây dựng Ph; Địa chỉ: số 268D, khu phố A, phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Bùi Phi V, chức vụ: Giám đốc.

Chị N có mặt. Anh P, anh V vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/11/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Phạm Thị N trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn P. Lý do: Chị và anh P tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình KĐ (nay là xã Bình K) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc nhưng sau đó thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P đi làm có tiền nhưng không lo cho gia đình, phát sinh tranh cãi về phát triển kinh tế, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không hạnh phúc. Đã không còn sống chung khoảng 10 năm nay. Khoảng 03 năm nay vợ chồng không gặp gỡ, thời gian đầu có liên lạc nhưng sau này không còn liên lạc được nữa. Nay không còn tình cảm, thể nào sống chung được nữa nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Huỳnh Thuận Đ, sinh năm 1999, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Đối với khoản nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ - vận tải – vật liệu xây dựng Ph do anh Bùi Phi V làm giám đốc, đã rút lại đơn yêu cầu độc lập để tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Huỳnh Văn P vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có lời trình bày.*

*- Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 21/01/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ - vận tải – vật liệu xây dựng Ph, trong quá trình tố tụng anh Bùi Phi V là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Công ty có làm đơn yêu cầu độc lập buộc anh Huỳnh Văn P và chị Phạm Thị N liên đới trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 34.431.000 đồng. Ngày 09/4/2021, anh Bùi Phi V làm đơn rút đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Cày Nam phát biểu cho rằng:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt không có đơn xin vắng, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N; Con chung: Huỳnh Thuận Đ, sinh năm 1999, đã trưởng thành; Tài sản chung: không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Các bên liên quan không yêu cầu, anh P vắng mặt không lời trình bày nên đề nghị không giải quyết trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[ 1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị N, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”;

Trong đó, xác định chị Phạm Thị N là nguyên đơn, anh Huỳnh Văn P là bị đơn, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ - vận tải – vật liệu xây dựng Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (do anh Bùi Phi V là người đại diện theo pháp luật); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với việc anh Huỳnh Văn P vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, đối với anh Bùi Phi V là đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh P và anh V là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:**

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N, thấy rằng:

Chị N cho rằng do quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi vã và không còn sống chung khoảng 10 năm nay nay, không có cách khắc phục mâu thuẫn, không còn tình cảm nên xin ly hôn. Anh P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P là có thật. Vợ chồng không còn sống chung một thời gian dài nhưng không có hướng khắc phục và đoàn tụ, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng nhiều đến nay đã đến mức trầm trọng. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải nhưng anh P không đến Tòa, chứng minh anh P cũng không muốn tham gia hòa giải nên không hòa giải đoàn tụ được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Huỳnh Thuận Đ, sinh năm 1999, đã trưởng thành, không có yêu cầu, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu, anh P vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ - vận tải – vật liệu xây dựng Ph không yêu cầu giải quyết khoản nợ vay trong vụ án này. Chị N cũng không yêu cầu giải quyết, anh P vắng mặt không lời trình bày. Nên đình chỉ, không xem xét, giải quyết.

**[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.**

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị N chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Văn P.
2. Về con chung: Huỳnh Thuận Đ, sinh năm 1999, đã trưởng thành, không có yêu cầu, không giải quyết.
3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu, anh P vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.
4. Về nợ chung của vợ chồng: Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ - vận tải – vật liệu xây dựng Ph về việc buộc anh Huỳnh Văn P và chị Phạm Thị N liên đới trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 34.431.000 đồng.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Phạm Thị N phải chịu. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005726 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho chị Phạm Thị N.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 861.000 đồng (tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005888 ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ - vận tải – vật liệu xây dựng Ph.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Đỗ Thúy Hằng**